

BỘ NGOẠI GIAO**BỘ NGOẠI GIAO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2009/TT-BNG

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ**quy định về Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Ngoại vụ**

Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 82/2004/QĐ-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc Sở và các chức vụ tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Bộ Ngoại giao quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Giám đốc Sở Ngoại vụ như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc Sở Ngoại vụ.

2. Thông tư này áp dụng đối với những cán bộ, công chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) xem xét bổ nhiệm chức danh Giám đốc Sở Ngoại vụ.

Điều 2. Vị trí, chức trách của Giám đốc Sở

1. Giám đốc Sở Ngoại vụ là công chức đứng đầu Sở Ngoại vụ; chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Sở để thực hiện chức năng tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng quản lý đối ngoại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ của Giám đốc Sở

1. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân kế hoạch hoạt động đối ngoại dài hạn và hàng năm thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, thông tin đối ngoại và người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan, xây dựng, kiến nghị sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ chính sách thuộc lĩnh vực đối ngoại tại địa phương và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

3. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách đã ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Ngoại vụ trên địa bàn tỉnh.

4. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của công tác đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Tổ chức tổng hợp thông tin, thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác đối ngoại của tỉnh.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối ngoại đối với các cơ quan chức năng ở địa phương.

7. Chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực đối ngoại.

8. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở

Ngoại vụ. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài chính, tài sản được giao theo quy định.

9. Chủ trì hoặc phối hợp giải quyết các kiến nghị, khiếu nại liên quan đến công tác đối ngoại được giao.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Chương II**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁM ĐỐC SỞ NGOẠI VỤ****Điều 4. Phẩm chất**

Yêu nước, kiên định đường lối đối ngoại mới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng, tận tụy phục vụ nhân dân. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, hiệu quả. Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, trung thực, thẳng thắn, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê bình. Đoàn kết, dân chủ, chân tình với đồng nghiệp, đồng sự, được tập thể tin nhiệm. Gần bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân nơi cư trú tin nhiệm. Có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu chấp hành luật pháp và các quy định của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan, bảo vệ bí mật của Nhà nước, có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng và không tham nhũng.

09/02/2022

Điều 5. Năng lực

1. Có năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối ngoại.

2. Có khả năng nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất các giải pháp, phương pháp quản lý, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Có năng lực điều hành, có khả năng quy tụ, đoàn kết, tổ chức đề cán bộ, công chức, viên chức trong Sở thực hiện và phối hợp với các cấp, các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Hiểu biết

1. Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại.

2. Nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật về công tác đối ngoại và các văn bản pháp quy do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động đối ngoại ở địa phương.

3. Hiểu biết về nghiệp vụ quản lý liên quan đến lĩnh vực đối ngoại và có kinh nghiệm tổ chức, quản lý điều hành công tác.

4. Am hiểu tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước, và các nước trên thế giới.

Điều 7. Trình độ

1. Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ ngạch chuyên viên chính trở lên.

2. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành ngoại giao, quan hệ quốc tế. Trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải qua chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại tại Học viện Ngoại giao.

3. Tốt nghiệp lý luận chính trị cao cấp.

4. Tốt nghiệp quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên chính trở lên.

5. Thành thạo một ngoại ngữ thông dụng ở trình độ C. Đối với tỉnh có biên giới trên bộ với các nước láng giềng ưu tiên người có khả năng sử dụng ngoại ngữ của nước có chung biên giới trên bộ.

6. Sử dụng thành thạo máy tính và các trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác.

Điều 8. Các điều kiện khác

1. Có 5 năm công tác trở lên trong công tác đối ngoại, trong đó có ít nhất 3 năm làm công tác quản lý về công tác ngoại vụ.

2. Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ.

3. Có sức khỏe bảo đảm công tác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định của Thông tư này xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, quy hoạch và xem xét bổ nhiệm chức danh Giám đốc Sở Ngoại vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi bổ nhiệm Giám đốc Sở Ngoại vụ phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư này và tham khảo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

3. Các trường hợp bổ nhiệm trước khi

văn bản này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này thì phải được bồi dưỡng để đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề khó khăn, vướng mắc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phản ánh kịp thời về Bộ Ngoại giao để xem xét, bổ sung sửa đổi cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Gia Khiêm